

Bản án số: 96/2020/HS-PT

Ngày: 15-7-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Nguyễn Huỳnh Đức;

- ***Các Thẩm phán:*** Ông Bùi Ngọc Thạch;

Ông Lê Quân Vương.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Thị Thùy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:*** Bà Ngô Thị Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 73/2020/TLPT-HS ngày 25 tháng 5 năm 2020 đối với bị cáo Lê Văn H. Do có kháng cáo của bị cáo Lê Văn H đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 87/2020/HS-ST ngày 16 tháng 4 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.

- ***Bị cáo có kháng cáo:***

Lê Văn H, sinh năm 1989 tại tỉnh Cà Mau; hộ khẩu thường trú: Ấp Ô, xã Đ, huyện N, tỉnh Cà Mau; tạm trú: Số 25/1, khu phố B, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: Buôn bán; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; con ông Lê Văn H1 (đã chết) và bà Phạm Thị Đ, sinh năm 1970 ; có vợ Lê Thúy Q, sinh năm 1989 và có 02 con (lớn sinh năm 2018, nhỏ sinh ngày 4/6/2020); tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/10/2019 đến ngày 11/11/2019 được thay thế bằng biện pháp đặt tiền để bảo đảm cho đến nay, bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra, trong vụ án còn có hai bị cáo khác, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, do không kháng cáo, không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 01 giờ 00 phút ngày 08/10/2019, ông Đỗ Văn D điều khiển xe mô tô biển số 61D1-960.01 đến quán cà phê B thuộc khu phố 3, phường A, thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương để uống cà phê. Khi đến quán cà phê, ông D để xe mô tô nói trên ở gần văng rồi nằm ngủ đến khoảng 03 giờ 00 phút cùng ngày thức dậy thì phát hiện xe mô tô của mình bị mất nên đến Công an phường A trình báo. Đến khoảng 19 giờ 00 phút cùng ngày, Công an phường A nhận được thông báo của Đội 4, phòng Cảnh sát hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh về việc đã bắt giữ được đối tượng trộm cắp tài sản cùng tang vật là xe mô tô biển số 61D1-960.01 nên Công an thị xã (nay là thành phố) T tiếp nhận hồ sơ và các đối tượng để xử lý theo thẩm quyền.

Sau khi tiếp nhận tin báo, Công an phường A tiến hành trích xuất hình ảnh camera an ninh tại quán cà phê B và phát hiện Trần Dũng N có đặc điểm giống đối tượng trộm cắp xe mô tô biển số 61D1-960.01 vào ngày 08/10/2019 tại quán cà phê B nên tiến hành mời về trụ sở làm việc. Qua làm việc Trần Dũng N khai nhận: Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 07/10/2019, N đến quán cà phê B để uống nước và ngủ lại, đến khoảng 01 giờ 00 phút ngày 08/10/2019 thì ông D điều khiển xe mô tô nói trên đến dừng ở gần văng nơi ông D ngủ. Đến khoảng 01 giờ 30 phút cùng ngày, N thức dậy thấy ông D vẫn còn ngủ. Do không có tiền tiêu xài nên N đã nảy sinh ý định trộm cắp xe của ông D để bán lấy tiền tiêu xài. N đi qua văng ông D đang nằm, thấy chìa khóa xe để trên người ông D nên N lấy chìa khóa rồi cắm vào ổ khóa xe nhưng do xe có gắn thiết bị báo động, N sợ bị phát hiện nên tắt khóa, đẩy xe ra khỏi quán, sau đó đẩy bộ đến nhà trọ của Lê Văn H, nói cho H biết xe mô tô này do trộm cắp mà có, H đẩy xe mô tô trên vào phòng trọ xong lấy xe mô tô biển số 69K1-306.17 đi đến khu vực gần Công ty T chở Trần Văn B (là em ruột của N) về phòng trọ của H. Khi đến nhà trọ, H nói cho B biết sự việc N lấy trộm được chiếc xe mô tô và nói B tìm cách giải quyết. B bàn với H mang xe mô tô này xuống khu vực Thành phố Hồ Chí Minh tìm chỗ bán thì H đồng ý. B điều khiển xe mô tô biển số 61D1-960.01 còn H điều khiển xe mô tô biển số 69K1-306.17 đi đến đường N, Phường T, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh thì bị lực lượng tuần tra kiểm tra phát hiện, qua làm việc B và H khai nhận toàn bộ sự việc như trên.

Theo Kết luận định giá tài sản ngày 15/10/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã (nay là thành phố) T xác định trị xe mô tô kiểu dáng Sirius, màu đen, biển số 61D1-960.01; số máy: E3T6E388175; số khung: 1710JY263674 có trị giá 16.000.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 87/2020/HS-ST ngày 16/4/2020 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương đã tuyên xử:

Tuyên bố bị cáo Lê Văn H phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Xử phạt bị cáo Lê Văn H 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 09/10/2019 đến ngày 11/11/2019.

Ngoài ra, bản án còn tuyên phạt Trần Dũng N 09 (chín) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; Trần Văn B 12 (mười hai) tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Ngày 27/4/2020, bị cáo Lê Văn H có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa trình bày quan điểm giải quyết vụ án: Về thời hạn kháng cáo, đơn kháng cáo của bị cáo Lê Văn H đúng theo thời hạn luật định nên Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương đưa vụ án ra xem xét theo thủ tục phúc thẩm là đúng thẩm quyền và quy định của pháp luật. Về nội dung, bị cáo Lê Văn H biết xe mô tô Sirius, biển số 61D1-960.01 là tài sản do bị cáo Trần Dũng N trộm cắp mà có, nhưng vì cần tiền tiêu xài mà bị cáo Lê Văn H vẫn thực hiện hành vi phạm tội, cùng Trần Văn B mang xe đi tiêu thụ tại Thành phố Hồ Chí Minh. Hành vi của bị cáo bị Tòa án nhân dân thành phố T xử phạt về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Khi xem xét hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để xử phạt bị cáo mức án 06 (sáu) tháng tù là phù hợp. Bị cáo kháng cáo nhưng không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo cho rằng do vợ đang mang thai đứa thứ hai, hoàn cảnh khó khăn nên bị cáo mới thực hiện hành vi vi phạm pháp luật. Mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo để bị cáo được chăm sóc vợ con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Khoảng 01 giờ 00 phút ngày 08/10/2019, tại quán cà phê B, Trần Dũng N có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của ông Đỗ Văn D là xe mô tô kiểu dáng Sirius, màu đen, biển số 61D1-960.01 để bán lấy tiền tiêu xài. Nhưng do xe ông D có gắn khóa chống trộm nên bị cáo Trần Dũng N đẩy bộ xe đến nhà trọ của Lê Văn H và cho H biết tài sản này do trộm cắp mà có. Biết là xe trộm cắp nhưng H vẫn đẩy xe mô tô trên vào phòng trọ của mình và đi tìm Trần Văn B (là em ruột của N) để cùng mang xe đến Thành phố Hồ Chí Minh tiêu thụ. Theo Kết luận định giá tài sản ngày 15/10/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã (nay là thành phố) T thì xe mô tô kiểu dáng Sirius, màu đen, biển số 61D1-960.01 trị giá 16.000.000 đồng.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Lê Văn H về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật

Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo Lê Văn H về xin hưởng án treo: Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo biết tài sản là do bị cáo Trần Dũng N trộm cắp mà có nhưng vẫn mang đi tiêu thụ, cho thấy bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý. Tuy nhiên, sau khi phạm tội bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tài sản chiếm đoạt đã trả lại cho bị hại. Ngoài ra, bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, vợ chồng bị cáo đến Bình Dương để làm ăn sinh sống, bị cáo có hai con nhỏ, trong đó có một con nhỏ vừa mới sinh vào ngày 04/6/2020. Ngoài ra, bị cáo có việc làm ổn định, là lao động chính nuôi sống gia đình, có nơi cư trú rõ ràng. Bị cáo có ông nội là ông Lê Văn M là thương binh 4/4. Do đó, căn cứ vào quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) và Điều 2 Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo, Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo đủ điều kiện hưởng án treo theo quy định của pháp luật, nên có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa nội dung bản án sơ thẩm cho phù hợp với hành vi, tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo.

[3] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương là không phù hợp nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[4] Các phần khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

[5] Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Lê Văn H không phải nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự;

1/ Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Văn H; sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 87/2020/HS-ST ngày 16/4/2020 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương như sau:

Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Xử phạt bị cáo Lê Văn H 06 (sáu) tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 15/7/2020).

Giao bị cáo Lê Văn H về Ủy ban nhân dân phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương trực tiếp giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp các bị cáo Lê Văn H thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật thi hành án Hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2/ Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Lê Văn H không phải nộp.

3/ Các phần khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- | | |
|---|---|
| - VKSND tỉnh Bình Dương; | 1 |
| - TAND thành phố T; | 2 |
| - VKSND thành phố T; | 1 |
| - Chi cục THADS thành phố T; | 1 |
| - Công an thành phố T; | 2 |
| - Phòng PV06 - Công an tỉnh BD; | 1 |
| - Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương; | 1 |
| - Bị cáo; | 1 |
| - Ủy ban nhân dân phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương; | 1 |
| - Tổ HCTP; | 2 |
| - Lưu: HSVA, Tòa HS. | 3 |

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Huỳnh Đức